**TAND HUYỆN TAM ĐƯỜNG**
**TỈNH LAI CHÂU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày 18/10/2019

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đoàn Trung Phước**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lò Tiến Nui**; Bà **Tạ Thị Dung**

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Bà **Cao Thị Hóa -** Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:** Ông **Hoàng Đình Đ-** Kiểm sát viên

Ngày 18/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 03/10/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 07/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **HOÀNG VĂN V**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 15/10/1995; Tại: huyện T, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn T (Đã chết) và bà Trang Thị X, sinh năm 1966; Anh, chị em ruột: Gia đình bị cáo có 03 anh chị, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị Đ, sinh năm 1996 và 02 người con; Con lớn sinh năm 2014; con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173/Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú bằng các quyết định định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú của các cơ quan tiến hành tố tụng, được giao cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi từ ngày 06/8/2019 đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **LIỄU VĂN D**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Sinh ngày 16/10/1994; Tại: huyện T, Lai Châu; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Giáy; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Liễu Văn M (đã chết) và bà Lù Thị H, sinh năm 1971; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có; Tiền án; Tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 23/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tuyên phạt 18 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Đến ngày 17/5/2013 chấp hành xong hình phạt tù, hiện đã được xóa án tích.

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323/Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú bằng các quyết định định áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú của các cơ quan tiến hành tố tụng, được giao cho UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu quản lý theo dõi từ ngày 06/8/2019 đến nay (có mặt).

Bị hại: Chị Trần Thị D, sinh năm 1992; Nơi ĐKHKTT: Bản S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1953; Nơi ĐKHKTT: Bản A, xã S, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có đơn xin vắng mặt).

2. Chị Lò Thị Đ, sinh năm 1996; Nơi ĐKHKTT: Bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 02/8/2019 Hoàng Văn V đi bộ qua phía sau Công ty cổ phần đầu tư phát triển chè T đặt tại bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. V nhìn qua cửa sổ phòng làm việc của chị Trần Thị D, sinh năm 1992, trú tại bản S, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu, là thủ kho của Công ty cổ phần đầu tư phát triển chè T, bên trong có điện sáng chiếu ra, V phát hiện có 01 chiếc máy tính xách tay để trên bàn làm việc, thấy không có người nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. V đã trèo qua tường bao vào sân Công ty rồi đi thẳng đến dãy phòng làm việc, đi đến cửa phòng bảo vệ sát phòng làm việc của chị D, thấy cửa phòng được khóa bằng một chiếc khóa dây nên dùng tay đẩy hai cánh cửa phòng sang hai bên tạo khe hở có kích thước rộng 0,16 m x cao 2,68 m rồi luồn người vào phòng lấy một ghế gỗ kê vào góc tường và trèo lên ghế. Tay phải bám vào giá sắt, tay trái bám vào móc treo quần áo bằng inox gắn ở góc tường trèo lên bức tường lửng. V bám vào thanh xà sắt nằm song song mép tường và tụt xuống nóc tủ sắt xuống đất, đi đến bàn đặt máy tính rồi rút dây cắm bàn phím, dây cắm chuột quận lại, gập màn hình máy tính và lấy trên nóc két sắt 01 túi nylon màu xanh cất toàn bộ tài sản trộm cắp vào túi. V đặt ở cửa sổ rồi đi ra bằng đường đã đi vào. Ra ngoài V mang toàn bộ tài sản trộm cắp cất giấu ở gốc cây cạnh đường bê tông và cởi chiếc áo phông màu cam quấn bên ngoài túi. Sau đó, V đi bộ về nhà mình, mặc áo khác và đi đến nhà anh Lù Văn M, sinh năm 1978 là người cùng bản hỏi mượn xe mô tô hãng HONDA, nhãn hiệu Wave α, BKS 25B1 – 444.19 và nói đi lên bản có việc. V điều khiển ra vị trí giấu tài sản vừa trộm cắp được để lên xe điều khiển đến nhà Liểu Văn D, sinh năm 1994 ở bản T, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu mục đích nhờ D đi tiêu thụ.

Đến khoảng hơn 21 giờ cùng ngày 02/8/2019, V vào nhà nói cho D biết toàn bộ tài sản là do trộm cắp mà có. Dự bảo *"Bây giờ muộn rồi không có quán nào mở nếu bán ở xã B hoặc thị trấn thì lộ mất, để sáng mai bắt xe đi nơi khác bán*" V đồng ý rồi bảo *"xe máy em không có, tiền em cũng không, mai đi kiểu gì"*, D trả lời: *"Tao còn hơn một trăm nghìn, để mai bắt xe đi"*. Nói xong D bấm nút nguồn điện máy tính nhưng không lên, nghĩ máy tính hết pin nên gập lại, lấy chiếc túi xách giả da màu đen (trước đó D mượn của bà nội là Hoàng Thị N để đựng quần áo) trên ghế cất máy tính

vào túi để xuống dưới gầm bàn uống nước. Còn V điều khiển xe mô tô về trả Lù Văn M rồi đi bộ đến nhà D ngủ.

Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03/8/2019, D xách túi đựng tài sản trộm cắp và Văn đi bộ ra Quốc lộ 4D để bắt xe khách đi tiêu thụ, có gặp Lù Văn T, sinh năm 1995 là người cùng bản với D. Hỏi T chỗ bán máy tính nên T giới thiệu và cho số điện thoại nên D lấy điện thoại của V (Điện thoại V mượn của Vợ là Lò Thị Đ) ghi số điện thoại của anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1991, trú khu 6, thị trấn T, huyện T mua bán máy tính (D không nói cho T biết tài sản do trộm cắp mà có). Đến nơi, D để chiếc túi xách xuống đất trực tiếp gọi điện thoại cho T để giao dịch mua bán máy tính. T đồng ý hẹn D đi qua ngã 3 P thì gọi lại cho T.

Đến khoảng 09 giờ 00 phút ngày 03/8/2019 V và D đón được xe khách đi huyện T để tiêu thụ tài sản. Sau khi cả hai lên xe đi được khoảng 200 mét thì bị tổ công tác Công an huyện T phát hiện và lập biên bản thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 04/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T đã kết luận 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen trắng, 01 chuột máy tính có dây màu đen nhãn hiệu SONY, 01 bàn phím máy tính có dây màu đen của chị Trần Thị D do Hoàng Văn V trộm cắp có tổng giá trị là: 4.380.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra – Công an huyện T đã tạm giữ 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen trắng; 01 chuột máy tính có dây màu đen nhãn hiệu SONY; 01 bàn phím máy tính có dây màu đen nhãn hiệu GENIUS; 01 dây cắm điện máy tính; 01 áo phông màu cam; 01túi nilon màu xanh; 01 túi xách giả da màu đen; 01 điện thoại di động.

Cáo trạng số 22/CT-VKSTĐ ngày 01/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Hoàng Văn V phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173, bị cáo Liểu Văn D phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323/Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn V Liểu Văn D đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Vphạm vào tội Trộm cắp tài sản, bị cáo Liểu Văn D phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Về hình phạt đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn V; Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự đối với bị cáo Liểu Văn D, đề nghị tuyên phạt bị cáo Hoàng Văn V từ 06 đến 09 tháng tù, Liểu Văn D từ 06 đến 09 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho cả hai bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị hại Trần Thị D có đơn xin vắng mặt, trong đơn chị D trình bày: Tài sản bị chiếm đoạt là chiếc máy tính xách tay đã qua sử dụng kèm theo phụ kiện đã được Cơ quan điều tra thu hồi và trao trả nên không đề nghị các bị cáo bồi thường thêm. Về hình phạt đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt đối với các bị cáo đúng với quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị N có đơn xin vắng mặt, trong đơn thể hiện: Tài sản của bà là chiếc túi xách giả da màu đen trước đó bị cáo Liểu Văn D mượn bà để đựng quần áo, bà không biết D sử dụng chiếc túi này để đựng tài sản trộm cắp mang đi bán, nay chiếc túi đã qua sử dụng, giá trị không lớn nên không đề nghị được trả lại.

Chị Lò Thị Đ khai: Chiếc điện thoại di động kèm theo sim Viettel mà chị cho bị cáo Hoàng Văn V (chồng chị) mượn là tài sản hợp pháp của chị, chị không biết bị cáo V sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc trong việc bán tài sản trộm cắp. Nay đề nghị HĐXX trả lại chiếc điện thoại kèm theo sim cho chị.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 34, Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42/Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm: Khoảng 20 giờ ngày 02/8/2019 tại phòng làm việc của chị Trần Thị D, trong Công ty cổ phần đầu tư phát triển chè T trụ sở đặt tại bản K, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Hoàng Văn V đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp tài sản gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen trắng; 01 chuột máy tính có dây màu đen nhãn hiệu SONY; 01 bàn phím máy tính có dây màu đen nhãn hiệu GENIUS tất cả tài sản trên là của chị Trần Thị D. Tổng giá trị tài sản mà Văn chiếm đoạt là: 4.380.000 đồng.

Do không có hứa hẹn và bàn bạc từ trước, sau khi Hoàng Văn V trộm cắp được số tài sản nêu trên, đã mang đến nhà Liểu Văn D, nói cho D biết đây là tài sản do trộm cắp mà có. Dự biết rõ số tài sản trên do Hoàng Văn V trộm cắp mà có, ngày 03/8/2019 D đã nhất trí mang đi tiêu thụ thì bị phát hiện thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của Hoàng Văn V thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173, hành vi Liểu Văn D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323/Bộ luật hình sự

[3]. Về tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản của công dân là khách thể

được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn V, Liểu Văn D đều được sinh ra trong các gia đình lao động, mặc dù có tuổi đời còn trẻ, song cả hai bị cáo không chịu khó tu dưỡng rèn luyện bản thân, chỉ vì tư lợi cá nhân muốn có tiền tiêu sài mà không cần phải lao động, các bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Đối với Liểu Văn D đã từng bị kết án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, mặc dù đã được xóa án tích song bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật và chứng minh bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội, hậu quả của hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện, phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Hoàng Văn V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự đối với Hoàng Văn V, áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51/Bộ luật hình sự đối với Liểu Văn D để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này Hoàng Văn V là người chủ động trộm cắp tài sản và chủ động rủ rê Liểu Văn D đi tiêu thụ tài sản trộm cắp mà có, Liểu Văn D trước khi phạm tội có nhân thân xấu vì vậy hình phạt các bị cáo phải chịu là tương đương nhau.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người có điều kiện kinh tế khó khăn, không có khả năng chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen trắng; 01 chuột máy tính có dây màu đen nhãn hiệu SONY; 01 bàn phím máy tính có dây màu đen nhãn hiệu GENIUS tất cả tài sản trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Trần Thị D, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ. Đối với 01 túi xách giả da màu đen đã qua sử dụng của bà Hoàng Thị N bị cáo Liểu Văn D dùng để đựng tài sản mà Hoàng Văn V trộm cắp được mang đi tiêu thụ nhưng bà N không đề nghị được trả lại; 01 chiếc áo phông ngắn tay màu cam đã qua sử dụng và 01 túi nilon màu xanh bị cáo Hoàng Văn V sử dụng để cất giấu số tài sản trộm cắp được, là những công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy; 01 điện thoại di động đã qua sử dụng kèm theo 01 sim Viettel là tài sản hợp pháp của chị Lò Thị Đ, khi các bị cáo sử dụng chiếc điện thoại với mục đích gọi điện để bán tài sản trộm cắp được, chị Đ không biết, vì vậy cần trả lại cho chị Đ là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã được thu giữ và trao trả, nay bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên HĐXX không xem xét.

[8]. Một số vấn đề liên quan khác trong vụ án:

Đối với bà Hoàng Thị N cho Liểu Văn D mượn túi xách và chị Lò Thị Đ (vợ bị cáo Hoàng Văn V) cho V mượn điện thoại nhưng không biết các bị cáo V và D sử

dụng làm công cụ phương tiện phạm tội. Nên không đề cập xử lý đối với bà Hoàng Thị N và chị Lò Thị Đ.

Anh Lù Văn M cho Hoàng Văn V mượn xe mô tô BKS: 25B1- 444.19, nhưng không biết V sử dụng làm phương tiện phạm tội. Nên không đồng phạm với V về tội Trộm cắp tài sản.

Anh Lù Văn T giới thiệu và cho số điện thoại của anh Đỗ Mạnh T ở khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu để Liểu Văn D liên lạc bán tài sản nhưng T không biết tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý;

Đỗ Mạnh T ở khu 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lai Châu là người giao dịch qua điện thoại và hứa mua máy tính của D. Tuy nhiên, T không biết và giao dịch mua bán chưa diễn ra. Nên hành vi của T không đủ yếu tố cấu thành tội tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Vì các lẽ trên***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38/Bộ luật hình sự (áp dụng đối với bị cáo Hoàng Văn V), khoản 1, khoản 5 Điều 323, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, /Bộ luật hình sự (áp dụng đối với bị cáo Liểu Văn D); Điều 47/Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, Điều 331, Điều 333/Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Áp dụng đối với cả hai bị cáo).

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn V phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*; Bị cáo Liểu Văn D phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn V 09 (chín) tháng tù; Xử phạt bị cáo Liểu Văn D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo vào các cơ sở giam, giữ để chấp hành hình phạt. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho chị Lò Thị Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu SYMPHONY màu đen, loại bàn phím đã qua sử dụng kèm theo 01 sim Viettel; Tịch thu 01 áo phông nam ngắn tay màu cam, 01 túi xách giả da màu đen, 01 túi nilon màu xanh dương (tất cả đều đã qua sử dụng) để tiêu hủy.

Các vật chứng nêu trên đang được bảo quản, lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 04/10/2019 giữa Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn V, Liểu Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Toà án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Toà án ND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở tư pháp Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS;
- Nhà TG;
- Người TGTT;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Đoàn Trung Phước**